TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NGÂN SƠN** **TỈNH BẮC KẠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 12 - 4 - 2018
V/v tranh chấp cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGÂN SƠN, TỈNH BẮC KẠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Doanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hà Kiều Diễm

2. Bà Hoàng Thị Huyên

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Út Lệ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngân Sơn *tham gia phiên tòa*: Bà Vương Thị Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 38/2017/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2017 về "Tranh chấp cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị N, sinh năm 1983

Địa chỉ: Thôn C, xã T, huyện N, tỉnh Bắc Kạn (Có mặt).

2. Bị đơn: Anh Đồng Phúc N, sinh năm 1978

Địa chỉ: Thôn N, thị trấn N, huyện N, tỉnh Bắc Kạn (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 03 tháng 11 năm 2017 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Trần Thị N trình bày: Chị và anh Đồng Phúc N đã từng là vợ chồng, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật và có một người con chung là cháu Đồng Ngọc H – sinh ngày 09/01/2011. Năm 2015, chị ly hôn anh N theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 20/2015/QĐST-HNGĐ ngày 24/9/2015 của Tòa án nhân dân huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn. Theo quyết định này, chị được quyền trực tiếp nuôi dưỡng,

chăm sóc, giáo dục con chung là cháu Đồng Ngọc H. Chị không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung. Sau khi ly hôn, cháu H chung sống cùng với chị tại thôn C, xã T, huyện N, tỉnh Bắc Kạn. Hiện nay, để đảm bảo nhu cầu cuộc sống cho cháu H, chị yêu cầu anh N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000đ (một triệu năm trăm nghìn đồng) cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi vì các chi phí ăn, mặc, học hành, khám chữa bệnh của cháu H mỗi tháng hết 3.000.0000đ (ba triệu đồng), cụ thể: Tiền ăn 2.000.000đ (hai triệu đồng); tiền mua quần áo 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), tiền học 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), tiền khám chữa bệnh 400.000 đ (bốn trăm nghìn đồng).

Trong quá trình tố tụng, bị đơn anh Đồng Phúc N trình bày: Sau khi anh và chị N ly hôn, cháu Đồng Ngọc H chung sống với chị N. Nay chị N có yêu cầu anh cấp dưỡng nuôi con chung anh không nhất trí. Theo anh N, mức cấp dưỡng nuôi con chung 1.500.000đ mà chị N yêu cầu là quá cao so với mức chi tiêu tại địa phương ở thời điểm hiện nay. Anh không có nghề nghiệp ổn định, vợ chồng anh đều làm ruộng, con còn nhỏ, bố mẹ già nên anh không có điều kiện cấp dưỡng nuôi con. Anh sẽ cấp dưỡng nuôi con khi anh có điều kiện.

Phát biểu của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Thẩm phán đã tiến hành đầy đủ các hoạt động tố tụng về xác định quan hệ pháp luật, tư cách tham gia tố tụng của đương sự, thẩm quyền giải quyết của Tòa án, thời hạn chuẩn bị xét xử, thời hạn chuyển hồ sơ cho viện kiểm sát nghiên cứu theo thẩm quyền, thủ tục gửi, cấp và tống đạt các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát và người tham gia tố tụng tất cả đều đúng quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng và đầy đủ các phần của phiên tòa sơ thẩm. Thư ký phiên tòa thực hiện đúng và đầy đủ nhiệm vụ, quyền hạn theo luật định. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng. Kiến nghị khắc phục vi phạm: Không có.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các Điều 69, 81, 82, 83, 110 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 (LHNGĐ 2014); Khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải cấp dưỡng nuôi con chung từ 700.000đ - 1.000.000đ/tháng tính từ khi bản án có hiệu lực pháp luật. Bị đơn phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại Khoản 5 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tranh chấp giữa các bên đương sự đều có nơi cư trú tại huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn. Do đó, theo quy định tại các điều 35, 39 của

Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn.

[2]. Về nội dung tranh chấp:

Xét về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung của bị đơn:

Tại Khoản 2 Điều 82 của LHNGĐ 2014 quy định: "Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con".

Tại Khoản 1 Điều 107 của LHNGĐ 2014 quy định: "…Nghĩa vụ cấp dưỡng không thể thay thế bằng nghĩa vụ khác và không thể chuyển giao cho người khác".

Điều 110 của LHNGĐ 2014 quy định: "Cha, mẹ có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chưa thành niên, con đã thành niên không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình trong trường hợp không sống chung với con hoặc sống chung với con nhưng vi phạm nghĩa vụ nuôi dưỡng con".

Quá trình chung sống, chị N và anh N có một người con chung là cháu Đồng Ngọc H - sinh ngày 09/01/2011. Nghĩa vụ nuôi dưỡng con là nghĩa vụ chung của cha mẹ. Chị N và anh N đã ly hôn theo Quyết định của Tòa án. Theo quyết định này, chị N là người trực tiếp nuôi cháu H, anh N không phải trực tiếp nuôi con chung. Bản thân anh N đang trong độ tuổi lao động, có thu nhập, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự. Do đó, anh N phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Chị N yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con chung là có căn cứ.

Xét về mức cấp dưỡng nuôi con chung:

Tại Khoản 1 Điều 116 của LHNGĐ 2014 có quy định: "Mức cấp dưỡng do người có nghĩa vụ cấp dưỡng và người được cấp dưỡng hoặc người giám hộ người đó thỏa thuận căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết".

Quá trình giải quyết vụ án, hai bên không thỏa thuận được mức cấp dưỡng. Chị N yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 1.500.000đ (một triệu năm trăm nghìn đồng) cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi, vì hiện nay các khoản phải chi tiêu hàng tháng cho cháu H là 3.000.000đ gồm: tiền ăn 2.000.000đ; tiền mua quần áo 300.000đ, tiền học 300.000đ, tiền khám chữa bệnh 400.000đ. Tuy nhiên, chị N không đưa ra được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho các khoản chi tiêu này là có căn cứ.

Tòa án đã tiến hành xác minh tại Trường tiểu học xã T nơi cháu H đang theo học và được lãnh đạo nhà trường cung cấp: Quá trình học tập tại trường, cháu H có sức khỏe tốt, không có biểu hiện đau ốm, đi học đầy đủ. Cháu H không phải nộp học phí và không phải đóng góp các khoản nào khác với nhà trường. Đồ dùng học tập và đồ dùng các nhân của cháu H do gia đình chu cấp. Qua lời khai của anh N và qua xác minh về thu nhập, hoàn cảnh gia đình của anh N tại địa phương, Hội đồng xét xử nhận thấy, sau khi ly hôn chị N, anh N

kết hôn với người phụ nữ khác, vợ chồng anh N làm nghề nông, thu nhập không ổn định, hiện đang phải nuôi con nhỏ, kinh tế trung bình, không thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo. Do đó, xét mức cấp dưỡng do chị N yêu cầu là 1.500.000đ/tháng là cao, vượt quá khả năng của anh N mà chỉ chấp nhận ở mức 800.000đ/tháng (tám trăm nghìn đồng). Sau này khi điều kiện cấp dưỡng thay đổi, chị N có quyền yêu cầu tăng mức cấp dưỡng.

Xét thời hạn cấp dưỡng: Chị N yêu cầu cấp dưỡng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm cho đến khi cháu Đồng Ngọc H đủ 18 tuổi là có căn cứ, cần chấp nhận.

Xét phương thức cấp dưỡng: Chị N yêu cầu mức cấp dưỡng theo tháng là có căn cứ theo quy định tại Điều 117 của LHNGĐ 2014 nên cần chấp nhận.

[3]. Về án phí: Anh Đồng Phúc N phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con. Chị Trần Thị N được miễn áp phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 69, 82, 107, 110, 116, 117, 118 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị N.

2. Buộc bị đơn anh Đồng Phúc N phải cấp dưỡng nuôi con chung cho cháu Đồng Ngọc H, sinh ngày 09/01/2011 mỗi tháng là 800.000đ (tám trăm nghìn đồng). Thời hạn cấp dưỡng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm cho đến khi cháu Đồng Ngọc H đủ 18 tuổi. Phương thức cấp dưỡng được thực hiện định kỳ hàng tháng.

Về nghĩa vụ chậm nộp tiền cấp dưỡng: *Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chậm thi hành án theo mức quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả.*

3. Về án phí: Anh Đồng Phúc N phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con chung. Chị Trần Thị N được miễn án phí.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời

hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Ngân Sơn;
- TAND tỉnh Bắc Kạn;
- Chi cục THADS huyện Ngân Sơn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thế Doanh